

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày: 23/02/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm;
2. Bà Phạm Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Mỏ Cày Bắc.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham dự phiên tòa: Ông
Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh
Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2022/TLST-DS ngày 10
tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương
sự:

1. Nguyên đơn: ông Lê Văn H, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Phan Thị B1, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: 1. Bà Trần Thị K, sinh năm: 1968;

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp G, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Bà B1, bà K và ông H1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị B1 trình
bày:*

Ông H là chủ cửa hàng mua bán tạp hóa, gạo, cám, thức ăn chăn nuôi, ... Vào khoảng năm 2013 đến 2016, vợ chồng bà K, ông H1 với ông H thỏa thuận về việc mua thức ăn chăn nuôi heo. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng không làm văn bản. Nội dung: bà K, ông H1 lấy thức ăn chăn nuôi heo cửa hàng của ông H thời gian khoảng 04 – 05 tháng bao chuồng, khi bán heo sẽ trả tất số tiền thức ăn ông H1, bà K đã mua.

Thời gian đầu bà K, ông H1 thực hiện đúng theo thỏa thuận. Thời gian sau, khi heo xuất chuồng, ông H1, bà K nói không đủ tiền để trả tiền thức ăn cho ông H nên thiếu lại. Sự việc kéo dài đến ngày 15/12/2016, bà K, ông H1 còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi của ông H là 13.030.000 đồng.

Ngày 29/5/2021, bà K, ông H1 có ghi giấy hẹn trong thời gian 02 tháng kể từ ngày 29/5/2021 sẽ trả tiền còn lại cho ông H nhưng đến nay không trả.

Nay, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K, ông H1 trả cho ông số tiền nợ là 13.030.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 15/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 04/11/2022 là 70 tháng 04 ngày, thành tiền là 7.726.790 đồng. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 13.030.000 đồng + 7.726.790 đồng = 20.756.790 đồng.

Do bận việc gia đình nên bà B1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không có khiếu nại về sau.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc, bị đơn bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Trước đây, bà K, ông H1 có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông Lê Văn H. Sau đó do heo bị dịch bệnh chết. Ngoài ra, ông H1 bị tai nạn giao thông dẫn đến nợ nần. Ông bà ban đầu nợ ông H khoảng một trăm sáu mươi mấy triệu nhưng trả dần còn thiếu hai mươi mấy triệu đồng. Ông bà đã trả còn nợ lại ông H số tiền 13.030.000 đồng. Do hoàn cảnh hiện nay kinh tế khó khăn, cây giống không bán được. Ông H1 bị bệnh không có tiền trả nợ cho ông H như đã hứa. Nay, ông H yêu cầu ông H1, bà K trả số tiền 13.030.000 đồng, ông bà đồng ý. Đối với số tiền lãi, ông H yêu cầu ông bà trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 15/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 04/11/2022 là 70 tháng 04 ngày, thành tiền là 7.726.790 đồng. Ông bà đồng ý về mức lãi suất, thời gian tính lãi như ông H yêu cầu nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông bà yêu cầu ông H không tính lãi. Nếu ông H không đồng ý cho ông bà không trả lãi, ông bà đồng ý chịu lãi với mức lãi suất và thời gian như ông H yêu cầu.

Do ông H1 bị bệnh và gia đình đơn chiếc nên ông H1, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không có khiếu nại về sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người

tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H. Buộc bà Trần Thị K với ông Nguyễn Văn H1 liên đới trả cho ông H số tiền nợ là 13.030.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng; thời gian tính lãi từ ngày 15/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 04/11/2022, ông Lê Văn H khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu giải quyết buộc bà Trần Thị K, ông Nguyễn Văn H1 trả cho ông H số tiền 13.030.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 15/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 04/11/2022 là 70 tháng 04 ngày, thành tiền là 7.726.790 đồng. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 13.030.000 đồng + 7.726.790 đồng = 20.756.790 đồng. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị B1; bị đơn bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn H1 có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu của ông H yêu cầu bà K, ông H1 trả số tiền 13.030.000 đồng:

Theo bà B1, đại diện cho ông H trình bày, vào khoảng năm 2013 đến 2016, vợ chồng bà K, ông H1 với ông H thỏa thuận về việc mua thức ăn chăn nuôi heo. Hai bên thỏa thuận bà K, ông H1 lấy thức ăn chăn nuôi heo của ông H thời gian khoảng 04 – 05 tháng bao chuồng, khi bán heo sẽ trả tất số toàn bộ số tiền thức ăn ông H1, bà K đã mua. Thời gian đầu bà K, ông H1 thực hiện đúng theo thỏa thuận. Thời gian sau, khi heo xuất chuồng, ông H1, bà K nói không đủ tiền để trả tiền thức ăn cho ông H nên thiếu lại. Sự việc kéo dài đến ngày 15/12/2016, bà K, ông H1 còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi của ông H là 13.030.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông H là tờ giấy không có tựa đề, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông H, bà K, ông H1 xác định có nợ của ông H số tiền 13.030.000 đồng và đồng ý trả cho ông H số tiền nợ nêu trên. Bà K, ông H1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, bà K, ông H1 thừa nhận có nợ của ông H số tiền vợ chồng ông bà mua thức ăn nuôi heo là 13.030.000 đồng. Lời thừa nhận của bà K, ông H1 là chứng cứ ông H không cần phải chứng minh. Yêu cầu của ông H là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà K, ông H1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông H số tiền 13.030.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Đối với yêu cầu của ông H yêu cầu bà K, ông H1 trả tiền lãi trên số tiền vốn nêu trên, với mức lãi suất yêu cầu áp dụng là 0,83%/tháng.*

Bà K, ông H1 đồng ý với mức lãi suất và thời gian tính lãi từ ngày 15/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 74 tháng 08 ngày nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông bà yêu cầu ông H không tính lãi. Tuy nhiên, bà B1, đại diện cho ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi. Xét thấy, ông H yêu cầu bà K, ông H1 trả tiền lãi với mức lãi suất áp dụng và thời gian tính lãi như đã nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 357, 440 và 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Bà K, ông H1 phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho ông H là $13.030.000đ \times 0,83\% \times 74 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 8.031.800 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi bà K, ông H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H là: 13.030.000 đồng + 8.031.800 đồng = 21.061.800 đồng.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí:* bà K, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.053.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn H số tiền nợ là 21.061.800đ (Hai mươi một triệu không trăm sáu mươi một ngàn tám trăm đồng). Trong đó: tiền vốn: 13.030.000đ (Mười ba triệu không trăm ba mươi ngàn đồng), tiền lãi: 8.031.800đ (Tám triệu không trăm ba mươi một ngàn tám trăm đồng).

2. Về án phí: bà Trần Thị K với ông Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.053.000đ (Một triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền tạm ứng án phí là 519.000đ (Năm trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000602 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung